

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC DANAPHA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

CV số : *Mb.* / DAN-2023

V/v: Giải trình việc lợi nhuận sau thuế
Quý 4/2022 chênh lệch từ 10 % trở lên so
với cùng kỳ năm trước

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 01 năm 2023

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ điểm a, khoản 4, điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC, về việc: “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”, quy định giải trình cụ thể đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ Phần Dược Danapha (DAN) giải trình Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2022 như sau :

1. Về kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2022 (Đvt: VNĐ):

Khoản mục	Quý 4		Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ
	Năm nay	Năm trước		
A	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.851.805.843	128.248.030.510	47.603.775.333	37,12%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.349.361.400	2.749.112.653	-1.399.751.253	-50,92%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.502.444.443	125.498.917.857	49.003.526.586	39,05%
4. Giá vốn hàng bán	94.306.650.939	74.220.709.899	20.085.941.040	27,06%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.195.793.504	51.278.207.958	28.917.585.546	56,39%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.137.389.008	5.615.525.318	-1.478.136.310	-26,32%
7. Chi phí tài chính	19.683.307.494	1.244.579.102	18.438.728.392	1481,52%
- Trong đó: Lãi vay phải trả	227.784.375	1.244.579.102	-1.016.794.727	-81,70%
8. Chi phí bán hàng	37.496.174.817	16.630.301.517	20.865.873.300	125,47%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.476.082.432	21.688.150.646	-6.212.068.214	-28,64%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.677.617.769	17.330.702.011	-5.653.084.242	-32,62%
11. Thu nhập khác	77.940.000	0	77.940.000	
12. Chi phí khác	241.050.359	183.115.000	57.935.359	31,64%
13. Lợi nhuận khác	(163.110.359)	(183.115.000)	20.004.641	-10,92%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.514.507.410	17.147.587.011	-5.633.079.601	-32,85%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.165.615.594	3.536.834.821	-1.371.219.227	-38,77%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0	
17. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.348.891.816	13.610.752.190	-4.261.860.374	-31,31%

mm

2. Giải trình nguyên nhân tăng /giảm chủ yếu như sau:

Lợi nhuận sau thuế Quý 4/2022 giảm 4,26 tỷ đồng so với Quý 4/2021, tương ứng giảm 31,31%. Các nguyên nhân chủ yếu như sau:

Trong năm 2022, Công ty thay đổi chiến lược kinh doanh một số ngành hàng, dẫn đến một số chỉ tiêu tài chính quý 4/2022 tăng so với cùng kỳ 2021:

- Doanh thu thuần tăng 49 tỷ đồng, tương ứng tăng 39,05%.
- Giá trị lợi nhuận gộp tăng 28,92 tỷ đồng, tương ứng tăng 56,39%.
- Đồng thời, chi phí bán hàng tăng 20,87 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 (tương đương tăng 125,47%).

Ngoài ra, Chi phí tài chính quý 4/2022 tăng 18,44 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu từ khoản lỗ tài chính do chênh lệch tỷ giá các khoản vay có gốc ngoại tệ bằng đồng EUR tại thời điểm ngày 31/12/2022.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Dược Danapha (DAN) báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về sự thay đổi các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2022 của Danapha.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Văn thư
- Như trên

TỔNG GIÁM ĐỐC 

LÊ THĂNG BÌNH